

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2018.

V/v tranh chấp về hôn nhân - gia
đình ly hôn và nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc.

Ông Võ Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14/11/2017 “V/v hôn nhân - gia đình ly hôn và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Thị T - *Sinh năm:* 1975.

Địa chỉ: 394B/5 ấp TT, xã TP, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: 108 ấp VB B, xã VT, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Nguyễn Thanh C - *Sinh năm:* 1973.

Địa chỉ: 394B/5 ấp TT, xã TP, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng CSXH VN.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5 Bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CSXH VN là: Nguyễn Minh S - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng CSXH VN huyện Lai Vung.

Địa chỉ: K1, thị trấn LV, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018).

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Đặng Thị T trình bày: Vào năm 1991 Đặng Thị T và Nguyễn Thanh C **đám cưới**, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có con chung là Nguyễn Quốc Dương, sinh ngày 13/8/1993. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Nay, Đặng Thị T yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Thanh C; Về con chung tên Nguyễn Quốc Dương, sinh ngày 13/8/1993 đã trưởng thành nên Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung Đặng Thị T không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với phần nợ chung Đặng Thị T không đồng ý liên đới với Nguyễn Thanh C trả cho Ngân hàng CSXH VN vốn vay 42.000.000 đồng, lãi 13.301.900 đồng (Tạm tính đến ngày 29/11/2017). Cộng chung vốn, lãi là 55.301.900 đồng và không đồng ý tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 30/11/2017 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn Nguyễn Thành Cẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thanh C theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện ngày 29/11/2017 (Bổ sung ngày 14/12/2017), biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Vào ngày 14/12/2011 Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C tự tay ký tên vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng CSXH VN vốn 42.000.000 đồng đến nay chưa trả. Do đó, Ngân hàng CSXH VN yêu cầu Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C liên đới trả cho Ngân hàng CSXH VN vốn vay 42.000.000 đồng, lãi 13.301.900 đồng (Tạm tính đến ngày 29/11/2017). Cộng chung vốn, lãi là 55.301.900 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 30/11/2017 cho đến khi Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C trả nợ xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Đặng Thị T và Nguyễn Thanh C sống chung như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.

[2] Về con chung: Do Nguyễn Quốc Dương, sinh ngày 13/8/1993 đã trưởng thành và Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ngân hàng CSXH VN yêu cầu Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C liên đới trả cho Ngân hàng CSXH VN vốn vay 42.000.000 đồng, lãi 13.301.900 đồng (Tạm tính đến ngày 29/11/2017). Cộng chung vốn, lãi là 55.301.900 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 30/11/2017 cho đến khi Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C trả nợ xong, yêu cầu này của Ngân hàng CSXH VN không được Đặng Thị T chấp nhận, nhưng Đặng Thị T không đưa ra được bất cứ loại tài liệu, chứng cứ nào khác có giá trị pháp lý để chứng minh cho sự phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ngược lại kèm theo yêu cầu thì Ngân hàng CSXH VN đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đó là sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay thể hiện có chữ ký tên, ghi rõ họ tên Nguyễn Thanh C với tư cách là người vay, Đặng Thị T với tư cách là người thừa kế. Còn đối với Nguyễn Thanh C kể từ khi thụ lý vụ án này Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mà bị đơn Nguyễn Thanh C vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản phản bác về việc yêu cầu của Ngân hàng CSXH VN. Điều đó thể hiện là Nguyễn Thanh C đã tự từ bỏ quyền phản bác về việc yêu cầu của Ngân hàng CSXH VN. Do đó, xét yêu cầu của Ngân hàng CSXH VN là chính đáng, đúng pháp luật, cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C liên đới trả cho Ngân hàng CSXH VN 55.301.900 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự có ghi:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

[5] Về án phí:

- Nguyên đơn Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng CSXH VN được Tòa án chấp nhận nên Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Đặng Thị T và Nguyễn Thanh C.

2. Về tài sản chung: Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

3. Buộc Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C liên đới trả cho Ngân hàng CSXH VN vốn vay 42.000.000 đồng, lãi 13.301.900 đồng (Tạm tính đến ngày 29/11/2017). Cộng chung vốn, lãi là 55.301.900 đồng (Năm mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một nghìn, chín trăm đồng).

4. Đối với vốn vay 42.000.000 đồng sẽ được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30/11/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 02/12/2011, giữa Ngân hàng CSXH VN với Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C cho đến khi trả nợ xong.

5. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

5.1. Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 00797, ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5.2. Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C phải liên đới chịu 2.765.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Đặng Thị T, Nguyễn Thanh C chưa nộp).

5.3. Hoàn trả cho Ngân hàng CSXH VN 1.382.547 đồng (Một triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng) đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai số: 00880, ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/5/2018). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa ngày 17/5/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Minh Tùng